

Số: 465 /BC-UBND

Minh Long, ngày 20 tháng 11 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn huyện Minh Long (giai đoạn 2013 - 2020)**

Nhằm đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, khó khăn trong thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện trong năm 2018. Từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian tới. Nay UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong năm 2018 như sau:

#### **I. Quá trình triển khai thực hiện**

##### **1. Các Quyết định đã ban hành**

Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững huyện Minh Long.

Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Minh Long về việc Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015-2020.

Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Minh Long về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn huyện Minh Long.

Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 12/2/2018 của UBND huyện Minh Long về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 01-NQ-/HU ngày 22/12/2017 của Hội nghị Huyện ủy lần thứ 14 (khóa XVIII) về Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025.

##### **2. Nhận thức về tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

Sau khi tiếp nhận các văn bản chỉ đạo của các cấp như: Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20/3/2013 của Bộ NN&PTNT về việc triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh; Công văn số 4380/UBND-NNTN ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc tập trung triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Quyết định số 627/QĐ-SNNPTNT ngày 29/10/2015 của sở NN&PTNT tỉnh Quảng Ngãi.

UBND huyện Minh Long có văn bản chỉ đạo UBND các xã triển khai thực hiện xây dựng Đề tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, giai đoạn 2015-2020; Đồng thời giao trách nhiệm phòng NN&PTNT tổng hợp số liệu, triển khai và tham mưu xây dựng Đề tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững huyện Minh Long giai đoạn 2015-2020, qua quá trình xây dựng đề án UBND huyện mời các phòng ban có liên quan, UBND các xã tham gia góp ý, chỉnh sửa để hoàn thiện Đề án.

### **3. Công tác thông tin, tuyên truyền về đề án, kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, phát động phong trào thi đua, tạo quyết tâm cao trong công tác xây dựng thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến các cơ quan, đơn vị, từ huyện đến cơ sở; thông qua các hình thức như: Tổ chức hội nghị; tuyên truyền, đưa tin nhiều lượt trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thống nhất về quan điểm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án và xem đây là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của từng cấp ủy, chính quyền, ban, ngành và từng địa phương.

## **II. Kết quả đạt được**

### **1. Về thực hiện các mô hình**

Trong năm 2018, tổng kinh phí thực hiện các mô hình là 2.731.495.800 đồng. Trong đó, Trạm Khuyến nông thực hiện 5 mô hình với kinh phí 2.101.495.800 đồng; Phòng Nông nghiệp và PTNT thực hiện 4 mô hình với kinh phí 630.000.000 đồng.

UBND huyện chỉ đạo tăng cường đổi mới hoạt động khuyến nông phục vụ thiết thực cho yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Tập trung áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm đủ sức mạnh cạnh tranh với thị trường.

### **2. Tái cơ cấu trong các lĩnh vực**

#### **2.1 Về trồng trọt**

- Tổng sản lượng lương thực có hạt là: 7.002,7 tấn, trong đó: Thóc: 6.969,0 tấn, ngô: 33,77 tấn.

- Sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt: 391,8 kg/người/năm.

#### **a. Cây lúa**

- Diện tích cây lúa cả năm 1.538,53 ha, đạt 101,89% KH (1.510 ha), đạt 101,23% so với cùng kỳ năm 2017 (1.519,8 ha); tăng 48,53 ha so Đề án. Diện tích lúa chất lượng tốt 20 ha (gồm các giống OM6161, TBR225, PC6, năng suất cao hơn lúa đại trà 10-15 tạ); đạt 100% so Đề án (20ha).

- Năng suất bình quân 45,3 tạ/ha, đạt 101,79% KH (44,5 tạ/ha), đạt 101,86% so với cùng kỳ năm 2017 (44,47 tạ/ha); tăng 0,83 tạ/ha, đạt 58,5% so với Đề án (2%).

- Sản lượng 6.969,0 tấn đạt 103,7% KH (6.720 tấn), đạt 103,12% so với cùng kỳ năm 2017 (6.758,2); đạt 99,44% so Đề án ( 6.930 tấn).

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Năm 2018 đã chuyển đổi 10 ha diện lúa 1 vụ sang trồng các cây trồng (cây ngô, đậu phụng, cây mì, cỏ làm thức ăn cho gia súc) như sau: (Ngô 1,325 ha: Long Sơn 1ha, Long Mai 0,325 ha); (Đậu phụng 4,35 ha: Long Mai, (cây cỏ 2 ha: Long Hiệp, (cây mì 1 ha: Long Sơn 0,825 ha, Long Hiệp 0,5 ha); đạt 50% so Đề án (20 ha/năm).

#### **b. Cây mì**

- Diện tích 1.181,5 ha, đạt 94,52% KH (1250 ha), đạt 107,31% so với cùng kỳ năm ngoái (1.101 ha); đạt 90,8% so Đề án (1.300 ha).

- Năng suất 141,04 tạ/ha, đạt 100,06% KH (140,96 tạ/ha), đạt 100,75% so với cùng kỳ năm ngoái (140,0 tạ/ha); đạt 100,7% so Đề án (1.300 ha).

- Sản lượng 16.664,39 tấn, đạt 94,58% KH (17.600 tấn), đạt 108,11% so với cùng kỳ năm ngoái (15.414 tấn); đạt 91,56% so Đề án (18.200 tấn).

#### **c. Cây Mía**

- Diện tích 12,9 ha, đạt 107,5% KH (12 ha), đạt 109,32% so với cùng kỳ năm ngoái (11,8 ha); đạt 64,5% so Đề án (20 ha).

- Năng suất 495,93 tạ/ha, đạt 104,41% KH (475,0 tạ/ha), đạt 102,38% so với cùng kỳ năm ngoái (484,4 tạ/ha); đạt 63,5% so Đề án (780 tấn).

- Sản lượng 639,75 tấn, đạt 112,24% KH (570,0 tấn), đạt 111,92% so với cùng kỳ năm ngoái (571,6 tấn); đạt 41% so Đề án (1.560 tấn).

#### **d. Cây Lạc**

- Diện tích 8,3 ha, đạt 75,45% KH (11,0 ha), đạt 61,25% so với cùng kỳ năm ngoái (13,55 ha); đạt 41,5% so Đề án (20 ha).

- Năng suất 22,05 tạ/ha, đạt 127,67% KH (17,27 tạ/ha), đạt 108,34% so với cùng kỳ năm ngoái (20,35 tạ/ha); đạt 107,5% so Đề án (20 tạ).

- Sản lượng 18,3 tấn, đạt 96,32% KH (19,0 tấn), đạt 66,35% so với cùng kỳ năm ngoái (27,58 tấn); đạt 87,14% so Đề án (41 tấn).

#### **Đ. Cây ngô**

- Diện tích 12,05 ha, đạt 100,42% KH (12,0 ha), đạt 96,4% so với cùng kỳ năm ngoái (12,5 ha); đạt 40,16% so Đề án (30 ha).

- Năng suất 28,03 tạ/ha, đạt 109,48% KH (25,6 tạ/ha), đạt 97,59% so với cùng kỳ năm ngoái (28,72 tạ/ha), đạt 107,8% so Đề án (26 tạ).

- Sản lượng 33,77 tấn đạt 110,01% KH (30,7 tấn), đạt 94,07% so với cùng kỳ năm ngoái (35,9 tấn); đạt 43,3% so Đề án (78 tấn).

## e. Cây chè

Diện tích 132,89 ha, trong đó diện tích chè cũ: 95 ha, trồng mới: 37,89 ha (Trạm Khuyến nông: 17,03 ha, Phòng Kinh tế - Hạ tầng: 6 ha, xã Long Hiệp: 5,1 ha, xã Thanh An: 7,67 ha); đạt 131,7% so Đề án (100,5 ha).

### 2.2. Về chăn nuôi

Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện, tính tới thời điểm ngày 01/10/2018 như sau: (Theo số liệu Chi cục Thống kê ngày 01/10/2018).

TT	Đối tượng	ĐVT	Năm 2017	TH năm 2018	KH năm 2018	So sánh (%) TH 2018/TH 2017	So sánh (%) TH/KH (2018)
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=5/6
1	Đàn trâu	Con	4.969	5.439	5.209	109,46	104,42
2	Đàn bò	Con	1.953	2.038	2.050	104,35	99,41
3	Bò lai Sind	%	50,4	52,4	51,0	103,97	102,75
4	Đàn lợn	Con	4.652	4.340	4.900	93,29	88,57
5	Đàn gia cầm	Con	54.170	52.340	53.000	96,62	98,75
6	Thịt hơi xuất chuồng	Tấn	672,5	687,4	681,9	102,22	100,81

Chăn nuôi trâu: Tổng đàn trâu 5.439/5.209 con, đạt 104,42% KH, tăng 470 con so với cùng kỳ; đạt 113,31% so đề án (4.800 con), (tăng 639 con). Đàn trâu: Tăng 639 con, nguyên nhân tăng do đầu tư từ các chương trình dự án; đặc biệt năm 2018 được hỗ trợ 11 con trâu đực giống (Phòng Kinh tế - Hạ tầng 5 con, Trạm Khuyến nông 6 con) để cải tạo tầm vóc (trâu cỏ), chống cận huyết; Hình thức nuôi chăn thả và bán chăn thả trong nông hộ. Trong năm 2018, thời tiết ẩm, ít mưa, đồng thời nhân dân chủ động dự trữ thức ăn rơm rạ nên không có trâu bò già, bê nghé chết do thiếu thức ăn.

Chăn nuôi bò: Tổng đàn bò 2.038/2.050 con, đạt 99,4% KH, tăng 85 con so với cùng kỳ; đạt 135,86% so đề án (1.500 con), tăng 538 con. Tỷ lệ bò lai 51% tăng 6% so Đề án (45%). Chủ yếu giống bò cỏ lai bò Zebu có tỷ lệ máu lai 30%-50%; Hình thức nuôi: Hầu hết các hộ dân nuôi nhốt chuồng hoặc nuôi bán chăn thả, tỷ lệ nhốt chuồng khoảng 60%. Đặc biệt huyện đã phối tinh nhân tạo cho 60 con bò cái có chữa giống bò lai BRACH MAN đỏ.

Chăn nuôi lợn: Tổng đàn lợn 4.340/4.900 con (chưa kể 4.200 con lợn mới nhập vào tại trang trại chăn nuôi heo sạch Phú Hiệp thôn Tới Lạc Thượng xã Long Mai), đạt 88,57% KH, giảm 312 con so với cùng kỳ; đạt 88,71% so đề án

(5.900 con); giảm 1.560 con. Giống chủ yếu là nuôi lợn lai F1 (Móng cái lai lợn đực YOOCISA, LAN ĐỎ RAT, COCVL). Nguyên nhân giảm do giá cả thị trường biến động, giá thức ăn tăng người chăn nuôi lợn ít lãi.

Chăn nuôi gia cầm: Tổng số 52.340/53.000 con, đạt 98,75% KH, giảm 1830 con so với cùng kỳ; đạt 100,6% so Đề án (52.000 con). Chủ yếu nuôi vịt thịt chạy đồng, gà thịt thả vườn (chương trình phát triển vùng hỗ trợ 7.000 con tỷ lệ sống 60-70%) và một số ngan ngỗng nhân dân tự túc nuôi cải thiện bữa ăn hàng ngày.

Công tác giết mổ: Trên địa bàn huyện có 5 cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, chưa có cơ sở giết mổ tập trung.

**2.3. Về lâm nghiệp:** Tổng diện tích đất tự nhiên: 23.734,59 ha; Trong đó rừng tự nhiên: 8.527,23 ha, rừng trồng 12.453,25, diện tích ngoài quy hoạch cho lâm nghiệp 2.754,11 ha. Độ che phủ rừng 65,03% theo Quyết định số 108/QĐ – UBND ngày 28/2/2017 của UBND huyện Minh Long, đạt 100,04% theo Đề án (65%). Đầu tư phát triển công tác trồng rừng kết hợp khoanh nuôi phục hồi chăm sóc bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn, gắn với khai thác hợp lý, đạt 100% theo Đề án.

**2.4. Về thủy sản:** Tổng diện tích ao, hồ: 20,6 ha (ao nuôi: 3,9 ha, hồ chứa 16,7 ha), đạt 100% kế hoạch, so Đề án đạt 100% (20,6 ha); Sản lượng nuôi trồng năm 2018 là 32,7 tấn, đạt 100% KH, đạt 65,4% so Đề án (50 tấn). Giá trị sản xuất thủy sản năm 2018 là 1.635 triệu đồng, đạt 0,86% so với bình quân giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản năm 2018 (189.401 triệu đồng).

### **2.5. Về công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai**

- Tổng diện tích được tưới năm 2018 là: 1.538,53 ha. Trong đó diện tích được tưới bằng công trình kiên cố là 1.212,74 ha, đạt 78,8%.

- Duy trì nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi từ huyện đến xã; Phân rõ trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Nâng cao mức bảo đảm an toàn hồ chứa: Vận hành hồ chứa hợp lý, nâng cao khả năng xả lũ cho hồ chứa, tiếp tục thực hiện Chương trình an toàn Hồ chứa nhất là Hồ chứa Biều Qua xã Long Sơn, hồ Đồng Cầm xã Thanh An.

- Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai: Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân nhận thức rõ tác hại của thiên tai, chủ yếu theo phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện – vật tư – kinh phí tại chỗ và hậu cần tại chỗ) và “3 sẵn sàng” (chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương – hiệu quả).

## **3. Tái cơ cấu gắn với xây dựng nông thôn mới**

Chương trình xây dựng nông thôn mới đã tập hợp sức mạnh đoàn kết, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân. Xây dựng đường giao thông nông thôn được đẩy mạnh, tạo thành phong trào lan tỏa đến từng thôn và người dân; đến nay cơ bản các xã có đường

nhựa hoặc bê tông đến trung tâm xã, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương hàng hóa. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp giữ được mức tăng trưởng ổn định, năng suất chất lượng của cây trồng, vật nuôi được nâng lên. Đời sống của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm.

Trong năm 2018 đã tổ chức, tham gia các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

Các xã đang tiến hành triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2018 – 2020.

Năm 2018, trên địa bàn huyện mở được 3 lớp tập huấn về lập kế hoạch sản xuất phát triển kinh tế hộ cho hơn 120 cán bộ xã, thôn, Hội đoàn thể cơ sở tham gia (nguồn kinh phí 135 năm 2018 chủ đầu tư Ban dân tộc tỉnh Quảng Ngãi hợp đồng với đơn vị TTGD TX và dạy nghề huyện Minh Long giảng dạy); Kết quả đạt 120% kế hoạch Đề án (100 người/năm).

Dạy nghề cho lao động nông thôn: Kế hoạch mở 02 lớp nghề phòng chống dịch bệnh gia súc gia cầm, nhưng qua một thời gian vận động hiện nay chưa đủ số lượng người đăng ký học.

### **III. Đánh giá tình hình thực hiện**

#### **1. Ưu điểm**

Có sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành từ huyện đến cơ sở về lịch thời vụ, cơ cấu giống, điều tiết nước tưới và các biện pháp tổ chức sản xuất khác đã đề ra (thâm canh, luân canh, xen canh). Chủ động thực hiện các giải pháp đồng bộ chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi (diện tích đất lúa kém hiệu quả hoặc thiếu nước sang trồng cây hoa màu khác), hạn chế được dịch bệnh gia súc, gia cầm.

Trong chăn nuôi có sự chuyển biến tích cực; từ chăn nuôi thả rông, nay người dân nuôi nhốt chuồng, biết trồng cỏ và dự trữ rơm rạ làm thức ăn thêm cho trâu, bò. Hạn chế trâu, bò già và bê, nghé chết trong mùa đông; chuồng trại hầu hết có mái che chắn xung quanh và nhốt trâu bò trong những ngày mưa lớn, rét đậm

Công tác thú y được chú ý, thường xuyên kiểm tra kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; chất lượng giống, phân bón, thuốc BVTV được thực hiện thường xuyên.

Công tác quản lý, trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, PCCC rừng được chú trọng.

Trong năm 2018, giá cây chè ổn định, diện tích cây chè ngày càng được mở rộng, thông qua các chương trình hỗ trợ từ các mô hình Khuyến nông, dự án 30a, 135,...

#### **2. Tồn tại**

Năng suất, sản lượng cây trồng hàng năm có tăng nhưng còn chậm chưa đạt chỉ tiêu Đề án đề ra.

Mô hình khuyến nông có triển khai nhưng tính duy trì mô hình còn hạn chế; Công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ còn chậm, chưa tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng. Mô hình chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật; chưa có mô hình thực hiện chuỗi liên kết sản xuất như: đóng gói, chế biến và bảo quản sản phẩm,...

Nguồn vốn hỗ trợ cho phát triển sản xuất còn dàn trải chủ yếu là hỗ trợ cây giống.

Đào tạo nghề lao động nông thôn gặp nhiều khó khăn bởi người dân chưa thiết tha với nhu cầu học nghề; Trong năm qua huyện đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền bằng mọi hình thức đến từng hộ gia đình, nhưng công tác học nghề từng bước chưa mang lại hiệu quả.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Xuất phát điểm kinh tế khu vực nông thôn của huyện thấp, nguồn lực đầu tư của Nhà nước và nhân dân còn rất hạn hẹp.

Quỹ đất dành cho sản xuất nông nghiệp manh mún, khó thực hiện dồn điền đổi thửa; Chưa mạnh dạn thay đổi theo phương thức sản xuất mới.

Cơ sở hạ tầng nông thôn còn thiếu, do địa hình chia cắt, dân cư phân tán. Hệ thống kết cấu hạ tầng đã được đầu tư, cải tạo song chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất chưa mạnh dạn; tập quán canh tác lạc hậu nên sản xuất còn manh mún.

Chính sách khuyến khích hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chủ yếu tập trung hỗ trợ trực tiếp cho nông dân phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Do nguồn lực hạn chế nên chưa có chính sách đủ mạnh trong liên kết tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp nông thôn.

Phong tục tập quán của một số bộ phận cư dân nông thôn sản xuất theo hình thức xâm canh, trình độ nhận thức hạn chế, ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của nhà nước.

## **IV. Các giải pháp để đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong thời gian đến**

**1. Cây lúa:** Sử dụng hầu hết các giống nguyên chủng, giống xác nhận để gieo sạ, chuyển đổi dần một số diện sản xuất lúa kém hiệu quả sang cây trồng cạn; Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng ở các vùng sản xuất lúa, bao gồm giao thông, thủy lợi kênh mương nội đồng thuận tiện trong việc vận chuyển phân bón, vật tư hàng hóa, tưới tiêu đủ diện tích. Ổn định diện tích đất trồng lúa 1.520 ha/năm, sản lượng lương thực có hạt năm 2019 đạt 7.200 tấn. Thực hiện

chuyển đổi diện tích gieo trồng lúa 2 vụ sang 1 vụ, luân canh lúa với cây trồng cạn nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất lúa 2 vụ/năm từ 30 - 40 ha.

**2. Cây mỳ:** Đưa các giống mỳ mới có năng suất cao như KM140, SM937 - 26, KM98 - 1 tạo ra nguồn thu nhập đáng kể cho người dân, tạo được các điểm vùng mỳ chuyên canh tập trung. Những vùng trồng mỳ trên chân đất có độ dốc thấp nên thâm canh tăng năng suất, có chế độ cải tạo đất hợp lý để tăng tỷ lệ bột mỳ.

**3. Cây ngô:** Đưa các giống ngô lai được trồng phổ biến hiện nay như: MK668, LVN17, LVN146, LVN092, LVN10, PAC339, CP333, CP888, PAC999...Trình diễn các mô hình ngô lai có năng suất cao. Mở rộng diện tích trồng ngô trên diện tích ven sông, trồng xen các loại cây trồng hàng năm khác (xen lạc, khoai lang, đậu các loại,...) để phục vụ phát triển chăn nuôi. Do đó, trong giai đoạn 2019 - 2020 cần đầu tư phát triển mở rộng diện tích để cây ngô trở thành cây trồng có thế mạnh trong cơ cấu cây trồng của huyện.

**4. Cây lạc:** Hiện nay, sử dụng các giống lạc phổ biến như: Lạc sẻ Gia Lai, L14,...đầu tư thâm canh tăng năng suất, đưa các mô hình khuyến nông để hướng dẫn về kỹ thuật. Khai thác tiềm năng đất đai ở ven sông suối, đất ruộng 1 vụ,..để trồng cây lạc, tuyên truyền vận động nhân dân khai thác sử dụng một cách triệt để nhằm đem lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

**5. Cây chè:** Tiếp tục làm việc với các ngành có liên quan để giới thiệu quảng cáo, quảng bá thương hiệu cây chè Minh long, mở rộng diện tích cây chè bình quân mỗi năm từ 3 - 5 ha; Triển khai vùng chuyên canh cây chè trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2023 với diện tích là 505 ha. Trong năm 2019, dự kiến triển khai trên 50 ha.

**6. Thủy lợi:** Từng bước nâng cấp, sửa chữa và xây dựng các công trình thủy lợi (hồ chứa, đập dâng, kênh mương) và kiên cố hóa các tuyến kênh mương do địa phương quản lý; phân đấu đến năm 2020 kênh mương trên địa bàn huyện được kiên cố hóa đạt khoảng 80%.

**7. Chăn nuôi:** Ổn định và tăng nhẹ đàn trâu, phát triển mạnh đàn bò, ứng dụng các biện pháp thâm canh, đưa các giống cỏ mới (Cỏ voi VA 06, các cỏ họ đậu,...) có chất lượng cao vào trồng để phục vụ chăn nuôi gia súc, bảo đảm năng suất cỏ đạt từ 200 - 240 tấn/ha/năm. Khuyến khích trồng cỏ gắn liền với phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng hàng hóa, vận động nuôi nhốt chuồng, hạn chế chăn thả, kiểm soát dịch bệnh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Nâng tỷ lệ bò lai 60%.

Cải tạo giống:

+ Hỗ trợ thêm trâu đực giống tầm vóc lớn (dự án trâu) để lai tạo đàn trâu cỏ địa phương.

+ Bò: Hỗ trợ bò đực giống (bò Brahman, Red Sind, Sahiwal), đặc biệt là đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo bò. Chuyển dần các giống bò thịt:



Charolaise, Limousine, Red Angus, Drought Master, Brahman (Úc),... để đàn bò thịt có chất lượng cao.

+ Heo sử dụng đực: YOOCSIA, COCVAl, DUROC, PIETRAN, PIDU,... tạo con lai tỷ lệ nạc.

+ Gia cầm: sử dụng các giống gà kim dụng (gà Tam Hoàng, Lương phượng) để phát triển chăn nuôi phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

+ Thức ăn: Sử dụng các loại thức ăn địa phương phối hợp thức ăn Công nghiệp, để phối trộn thức ăn nhằm giảm giá thành.

**8. Thủy sản:** Đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất thông qua việc cải tạo ao, hồ, khảo sát đánh giá lại các loại ao, hồ trên địa bàn huyện về điều kiện nguồn nước để có kế hoạch chăm sóc quản lý, bảo vệ (Hồ Biều Qua, hồ Đồng Càn). Khuyến khích nhân dân đào ao nuôi cá trên những chân ruộng trồng lúa kém hiệu quả, có khả năng chủ động nước. Đến năm 2020, diện tích nuôi cá ao, hồ chứa tăng 1 - 2 ha. Đưa các giống cá có giá trị kinh tế cao vào sản xuất như cá rô phi đơn tính, cá Diêu Hồng, cá Lóc Bông...

**9. Lâm nghiệp:** Đưa giống keo lai cây mô để cải tạo thay thế dần các giống keo lai giàm hom, vì giống keo cây mô hiện nay có tốc độ sinh trưởng cao, chất lượng gỗ tốt, ít ngã đổ; Mở rộng diện tích trồng cây bản địa phục vụ trồng rừng cây gỗ lớn như: dầu rái, lim xanh, sao,...Chú trọng công tác nghiên cứu bảo tồn và phát triển các giống cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu.

**10. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:** Phòng LĐTB&XH, Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề huyện mỗi năm mở các lớp đào tạo nghề nông thôn thu hút khoảng 100 học viên/năm. Khuyến khích phát triển các loại hình sản xuất hình thành tổ, nhóm, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, xúc tiến thương mại sản phẩm.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong năm 2018 trên địa bàn huyện Minh Long./.

**Nơi nhận:**

- TT. HU; TT. HĐND;
- CT, các PCT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- UBND các xã;
- VP: C, PCVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Điết**